

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đới;

Bà Lê Thị Xuân Đào;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương - Kiểm sát viên;

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2023/TLST-HS, ngày 19 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/HSST-QĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Quý T**, sinh ngày 16/12/1985.

Nơi cư trú: **Số C, khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ và tên cha: **Lê Văn L**, sinh năm 1937 (sống); Mẹ: **Châu Á P**, sinh năm 1947 (sống); Bản thân có vợ tên **Nguyễn Thị Trúc L1**, sinh năm 1988, có 01 người con sinh năm 2011; Có 05 anh chị em ruột; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2016/HSST ngày 28/9/2016 Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt bị cáo **Lê Quý T** 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 28/4/2017 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 09/8/2017 chấp hành xong bản án; Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2018/HSST ngày 26/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt bị cáo **Lê Quý T** 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 28/9/2019 chấp hành xong hình phạt tù và bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2022 đến nay, bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Lâm H**, sinh ngày 22/5/1993.

Nơi cư trú: **Số I, khu phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ và tên cha: **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1972 (sống); Mẹ: **Trần Ngọc P1**, sinh năm 1973 (sống); Bản thân chưa có vợ, con; Có 01 anh chị em ruột, sinh năm 1995; Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HSST ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt **Nguyễn Lâm H** 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. **H** chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/5/2019. Đến nay chưa được xóa án tích; Tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2020/HSST ngày 30/6/2020 Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt bị cáo **Nguyễn Lâm H** 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 10/9/2020 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 28/12/2021 chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2022 đến nay, bị cáo có mặt.

Bị hại:

- **Võ Chí B**, sinh năm 1998. Địa chỉ thường trú: **Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang**. Chỗ ở: Nhà trọ **Trần Minh H2**, **ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An**. (vắng mặt)

- **Huỳnh Thị Thanh T1**, sinh năm 1991. Địa chỉ: **Ấp A, xã Q, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh**. Chỗ ở: Nhà T, **ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An**. (vắng mặt)

Người làm chứng:

- **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1983; (vắng mặt)
- **Nguyễn Thị Ngọc L2**, sinh năm 1983; (vắng mặt)
- **Nguyễn Hiền T2**, sinh năm 1982; (vắng mặt)
- **Trần Minh H2**, sinh năm 1971. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 01/10/2022, **Lê Quý T** rủ **Nguyễn Lâm H** đi tìm tài sản sơ hở của người dân trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu xài, **H** đồng ý. Lúc này, **T** điều khiển xe mô tô biển số 65H1-9452 của **T** chở **H** đi từ nhà ở tại **khu phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An** ra tỉnh lộ 825. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày **T** và **H** đi ngang nhà trọ **Minh H2** thuộc **ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An**. Lúc này, **T** nhìn vào thấy phòng trọ số 47 không khóa cửa, **T** kêu **H** đứng ngoài canh giới, **T** đi vào phòng số 47 lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y12, màu đỏ, ốp lưng màu xanh và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu đen của **Võ Chí B** (để trên bàn gần cửa ra vào) rồi bỏ phía sau túi quần bên phải, khi lấy được tài sản **T** đi ra

ngoài kêu Hồng điều khiển xe mô tô biển số 65H1-9452 chở **T** tiếp tục đến nhà trọ **Ngọc L2**, **T** kêu **H** dừng xe lại đứng ở ngoài cảnh giới, **T** đi vào đến phòng số 4 lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20S màu tím và 01 điện thoại di động hiệu A21 màu nâu của bà **Huỳnh Thị Thanh T1** (để trên sàn nhà) bỏ vào phía sau túi quần bên trái. **T** và **H** đem 04 điện thoại di động vừa trộm được bán cho một người tên là **S** (không rõ nhân thân) tại khu vực **xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh** được 2.000.000đồng. **T** và **H** tiêu xài cá nhân hết 1.000.000đồng, số tiền còn lại chia mỗi người 500.000 đồng. Đến ngày 02/12/2022, **T** và **H** biết được nhà trọ **Ngọc L2** và nhà trọ **Minh H2** có camera ghi lại hình ảnh thời điểm mà **T** và **H** trộm cắp tài sản nên **T** và **H** đến Cơ quan Công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giám định số 104/KL.ĐGTS ngày 03/10/2022 của Hội đồng định giá Tổ tụng hình sự **huyện Đ** kết luận: 01 ĐTDĐ hiệu VIVO loại Y12 trị giá: 1.196,000 đồng; 01 ĐTDĐ hiệu OPPO loại F1S trị giá: 1.356.000 đồng; 01 ĐTDĐ hiệu SAMSUNG Y loại A20S trị giá: 2.712.000 đồng; 01 ĐTDĐ hiệu VIVO Y12 trị giá: 4.392.000đồng; 01 ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa trị giá 30.000 đồng. Tổng trị tài sản của hai bị hại bị trộm cắp là: 9.686.000đồng.

Vật chứng vụ án tạm giữ gồm: Số tiền 800.000đồng của bị cáo **Lê Quý T** và **Nguyễn Lâm H** giao nộp; 01 xe mô tô biển số 65H1-9452, số máy 0039489, số khung 0039489 của bị cáo **Lê Quý T**.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSĐH ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** gây ra; căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Quý T** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 02/10/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Lâm H** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 02/10/2022.

Đối với người tên **S** (không rõ địa chỉ) có hành vi tiêu thụ 04 điện thoại di động của **T** và **H** do trộm cắp mà có, nhưng chỉ có lời khai duy nhất của các bị cáo **T** và **H**, không có chứng cứ nào khác nên không có đủ căn cứ để xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại **Võ Chí B** yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường giá trị 02 điện thoại di động với số tiền 4.000.000đồng và bị hại **Huỳnh Thị Thanh T1** yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường giá trị 02 điện thoại di động với số

tiền 6.500.000đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo **T** và **H** đồng ý tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của các bị hại **B** và **T1** nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 xe mô tô có số máy 0039489, số khung 0039489 của bị cáo **Lê Quý T** mua của người không rõ nhân thân lai lịch, xe không có giấy tờ nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu bán thu tiền sung vào ngân sách Nhà nước. Riêng biển số 65H1-9452 là biển số giả nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 800.000đồng thu giữ của các bị cáo **T** và **H**, đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho số tiền phải bồi thường cho hai bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đánh giá về tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra **Công an huyện Đ** và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Đối với bị hại **Võ Chí B** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị hại **Huỳnh Thị Thanh T1** đã được tòa án tổng đạt hợp lệ và người làm chứng vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai để xác định sự thật vụ án, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng gì đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử:

[2.1]. Hành vi khách quan của các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** đã thực hiện:

Tại phiên tòa, các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** thừa nhận đã thực hiện phạm tội như sau: Vì muốn có tiền tiêu xài nên khoảng 06 giờ ngày 01 tháng 10 năm 2022, **Lê Quý T** và **Nguyễn Lâm H** có hành vi lén lút vào nhà trọ **Minh H2** và nhà trọ **Ngọc L2** chiếm đoạt của ông **Võ Chí B** 01 điện thoại di động hiệu Vivo

Y12, màu đỏ, ốp lưng màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S 04 có trị giá 2.582.000 đồng và chiếm đoạt của bà Huỳnh Thị Thanh T1 01 điện thoại di động hiệu SamSung Y loại A20S, 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y12 có trị giá 7.104.000đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt của hai bị hại là 9.686.000 đồng. Đến ngày 02/10/2022, T và H nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đến Cơ quan Công an đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Xét lời khai nhận của các bị cáo Lê Quý T, Nguyễn Lâm H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng; đúng về thời gian, địa điểm hai bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm, đúng về đặc điểm tài sản bị mất trộm, phù hợp với các chứng cứ khách quan khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp nội dung cáo trạng.

[2.2]. Hội đồng xét xử đánh giá: Có căn cứ xác định các bị cáo Lê Quý T, Nguyễn Lâm H là người đã thành niên có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Võ Chí B và bà Huỳnh Thị Thanh T1, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 9.686.000đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Lê Quý T, Nguyễn Lâm H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Có cơ sở xác định Cáo trạng số 23/CT-VKSDH ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Lê Quý T, Nguyễn Lâm H theo tội danh, Điều luật trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá về tình tiết định khung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Về tình tiết định khung: Hành vi của các bị cáo Lê Quý T, Nguyễn Lâm H chiếm đoạt tài sản của các bị hại có tổng giá trị là 9.686.000 đồng nên thuộc tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, bị cáo Lê Quý T vừa là người khởi xướng rủ rê vừa là người thực hành, bị cáo Nguyễn Lâm H là người cảnh giới với vai trò giúp sức, trước khi phạm tội các bị cáo không bàn bạc, không phân công vai trò, nhiệm vụ rõ ràng nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên phải xem xét vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp và tương xứng hành vi.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

+ Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lê Quý T, Nguyễn Lâm H thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Lâm H khi thực hiện hành vi phạm tội đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Về các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** đều thành khẩn khai báo, có ý thức ăn năn, đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Đối với người tên **S** (không rõ địa chỉ) có hành vi tiêu thụ 04 điện thoại di động của **T** và **H** trộm cắp mà có, do chỉ có lời khai duy nhất của các bị can **T** và **H**, không có chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để xử lý.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Bị hại **Võ Chí B** yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường giá trị 02 điện thoại di động với số tiền 4.000.000đồng và bà **Huỳnh Thị Thanh T1** yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường giá trị 02 điện thoại di động với số tiền 6.500.000đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo **T** và **H** đồng ý tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của các bị hại nên ghi nhận. Cần buộc các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** có trách nhiệm liên đới bồi thường giá trị 02 điện thoại di động cho bị hại **Võ Chí B** với số tiền 4.000.000đồng, bồi thường cho bị hại **Huỳnh Thị Thanh T1** số tiền 6.500.000đồng. Cụ thể, mỗi bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** phải bồi thường 5.250.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 xe mô tô có số máy 0039489, số khung 0039489 của bị cáo **Lê Quý T** mua của người không rõ nhân thân lai lịch, xe không có giấy tờ hợp pháp nên cần tịch thu bán thu tiền sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 biển số 65H1-9452 là biển số giả nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 800.000đồng thu giữ của các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** giao nộp cần tiếp tục tạm giữ để khấu trừ vào số tiền phải thi hành bồi thường cho bị hại **Võ Chí B**, **Huỳnh Thị Thanh T1**.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Quý T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/10/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Lâm H** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2022.

3. *Về tạm giam:* Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** 45 ngày (kể từ ngày 16/3/2023) để đảm thi hành án.

4. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại **Võ Chí B** giá trị 02 điện thoại di động với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Mỗi bị cáo **T**, **H** phải bồi thường cho bị hại **Võ Chí B** là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Buộc các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại **Huỳnh Thị Thanh T1** giá trị 02 điện thoại di động với số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Mỗi bị cáo **T**, **H** phải bồi thường cho bị hại **Huỳnh Thị Thanh T1** là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

5. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu của bị cáo **Lê Quý T** 01 xe mô tô có số máy 0039489, số khung 0039489 và bán thu tiền sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số giả số 65H1-9452 .

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 800.000đồng của các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** để khấu trừ vào số tiền phải bồi thường cho bị hại **Võ Chí B**, **Huỳnh Thị Thanh T1**.

(Tang vật trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 55-17/01/2023 ngày 17/01/2023 và Biên lai thu tiền số 0002429 ngày 18/01/2023).

6. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo **Lê Quý T**, **Nguyễn Lâm H** mỗi bị cáo nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc các bị cáo **Lê Quý T, Nguyễn Lâm H** mỗi bị cáo nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

7. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

8. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6, 7, 9 Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Thẩm phán

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Đ – Lê Thị Xuân Đào Nguyễn Khắc Linh Đ

